

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM  
HÀ NỘI - KINH BẮC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 36

# CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Nhà 905 CT1-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Nghiệp và Thực Phẩm Hà Nội - Kinh Bắc (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông Nghiệp và Thực Phẩm Hà Nội - Kinh Bắc tiền thân là Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hà Nội - Kinh Bắc, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104246382 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09 tháng 11 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 21 tháng 07 năm 2016.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HANOI - KINHBAC AGRICULTURE AND FOOD JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: HANOI-KINHBAC AGRIFOOD., JSC.

Trụ sở trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty: Nhà 905 CT1-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Trụ sở chính giao dịch của Công ty tại địa điểm: Số 08 Lô TT03 Khu Đô thị Hải Đăng City, ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nông Nghiệp và Thực Phẩm Hà Nội - Kinh Bắc là: **515.999.990.000** đồng (Năm trăm mười lăm tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng). Tại ngày 30/06/2018, cơ cấu cổ đông của Công ty bao gồm:

- Ông Dương Quang Lư nắm giữ 18,50%;
- Cổ đông là các tổ chức, cá nhân nước ngoài nắm giữ 3,03%;
- Cổ đông là các cá nhân khác (số lượng 1.560 cổ đông) nắm giữ 78,47% vốn điều lệ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được tổng hợp từ các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 của 02 đơn vị trực thuộc sau:

- Văn phòng Công ty Cổ phần Nông Nghiệp và Thực Phẩm Hà Nội - Kinh Bắc;
- Công ty Cổ phần Nông Nghiệp và Thực Phẩm Hà Nội - Kinh Bắc - Chi nhánh Gia Lai.

### Văn phòng Công ty

Văn phòng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0104246382 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09 tháng 11 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 21 tháng 07 năm 2016.

Trụ sở văn phòng giao dịch: Số 08 Lô TT03 Khu Đô thị Hải Đăng City, ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

### Chi nhánh Gia Lai

Công ty Cổ phần Nông Nghiệp và Thực Phẩm Hà Nội Kinh Bắc - Chi nhánh Gia Lai là đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Nông Nghiệp và Thực Phẩm Hà Nội - Kinh Bắc. Chi nhánh là đơn vị hạch toán độc lập, có mã số chi nhánh là: 0104246382-001.

Trụ sở Chi nhánh: tại Làng Ring 2, xã H' Bông, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

### Ban Giám đốc Chi nhánh Gia Lai:

Ông: Nguyễn Chí Đăng                      Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**

Nhà 905 CT1-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)****HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
Ông Dương Quang Lư	Chủ tịch Hội đồng Quản trị		
Bà Bùi Thùy Anh	Thành viên		
Ông Trương Danh Hùng	Thành viên		
Ông Trần Đình Dũng	Thành viên	Ngày 20/07/2018	
Ông Trần Minh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT		Ngày 20/07/2018
Ông Đỗ Thái Anh	Thành viên HĐQT độc lập		
<b>Ban kiểm soát</b>			
Ông Dương Danh Quân	Trưởng Ban kiểm soát		
Ông Nguyễn Huy Hoàng	Thành viên	Ngày 20/07/2018	
Ông Đỗ Dương Thông	Thành viên	Ngày 20/07/2018	
Ông Ngô Đức Thanh	Thành viên		Ngày 20/07/2018
Bà Nguyễn Phương Thảo	Thành viên		Ngày 20/07/2018

Các thành viên Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Ban Giám đốc**

Ông Dương Quang Lư	Tổng Giám đốc		
Ông Trương Danh Hùng	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc		Ngày 16/07/2018

**Kế toán Công ty**

Ông Lê Văn Quang	Kế toán trưởng		
------------------	----------------	--	--

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Nhà 905 CT1-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và Đại diện pháp luật của Công ty,



**Dương Quang Lư**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
kiêm Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Số: 646/2018/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018  
của Công ty Cổ phần Nông Nghiệp và Thực Phẩm Hà Nội - Kinh Bắc

Kính gửi: **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Nông Nghiệp và Thực Phẩm Hà Nội - Kinh Bắc**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nông Nghiệp và Thực Phẩm Hà Nội - Kinh Bắc, được lập ngày 13 tháng 08 năm 2017, từ trang 8 đến trang 35, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở của kết luận ngoại trừ**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán và kiểm toán viên đã đưa ra Báo cáo kiểm toán số 286/2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM ký ngày 27 tháng 03 năm 2018 có ý kiến dạng ngoại trừ. Các vấn đề ngoại trừ vẫn tiếp tục ảnh hưởng tới báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018, cụ thể:

Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐQT ngày 05/10/2016 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thực hiện đầu tư tài chính dài hạn vào hai Công ty con là Công ty Cổ phần Nông nghiệp Lumex Việt Nam và Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai với số tiền đầu tư tương ứng là 354.000.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 83,42% Vốn Điều lệ) và 80.000.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 88,89% Vốn Điều lệ). Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐQT ngày 05/10/2016 chưa được Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông năm 2017 về nội dung thay đổi phương án sử dụng vốn.

Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐQT ngày 28/4/2017 công bố về việc Công ty đã hoàn tất thủ tục góp vốn vào Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tân Cường bằng tài sản theo hợp đồng góp vốn số 09/ĐTGV/2017/HKB-HTXTC ngày 11/3/2017. Giá trị còn lại của tài sản mang đi góp vốn 3.994.373.332 đồng, giá trị được các bên thống nhất định giá vốn góp là 28.000.000.000 đồng, chênh lệch 24.005.626.668 đồng được Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Kinh Bắc ghi nhận vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31/12/2017 và ngày 30/06/2018 do các Công ty con nêu trên chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản đầu tư tài chính dài hạn nêu trên, cũng như các ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 của Công ty.

Hợp đồng vay kiêm bảo đảm tài sản giữa Công ty và Ông Phạm Anh Tuấn không quy định thời hạn thanh toán gốc và lãi vay. Tại ngày 30/06/2018 theo sự thỏa thuận giữa các Bên, Công ty chưa thực hiện trích trước chi phí lãi vay.

### **Kết luận ngoại trừ**

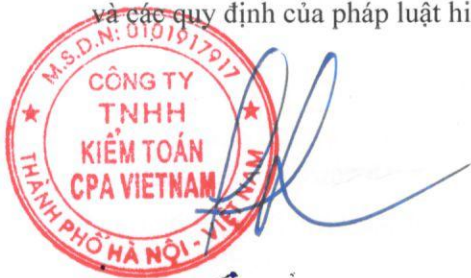
Ngoại trừ các điều chỉnh đối với báo cáo tài chính giữa niên độ mà chúng tôi có thể nhận thấy nếu tình huống nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ” không xảy ra, căn cứ trên kết quả soát xét, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Nợ phải thu được sửa đổi điều khoản thanh toán các theo Phụ lục hợp đồng kinh tế có số tiền là 74.527.643.681 đồng.

Công ty thực hiện ký hợp đồng bán hàng xuất khẩu với điều khoản thanh toán theo hình thức “giao tiền đổi chứng từ - Document against Payment (D/P) at sight” nhờ thu qua ngân hàng tại Maroc. Tuy nhiên hàng đã được vận chuyển đến cảng đích nhưng khách hàng STE TOP ARABIC SARL A.U chưa thực hiện đến nhận hàng và thanh toán số tiền còn lại \$251.160 (tương ứng với 5.761.594.074 VND). Ngày 26/07/2018, Thương vụ Việt Nam tại Maroc đã có thông báo khuyến cáo các doanh nghiệp xuất khẩu không giao dịch với Công ty có tên nêu trên: <https://vietnambiz.vn/khuyen-cao-doanh-nghiep-xuat-khau-khong-giao-dich-voi-cong-ty-tai-maroc-65172.html>. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang thực hiện đàm phán và thu hồi công nợ của khách hàng STE TOP ARABIC SARL A.U và tin tưởng rằng việc thu hồi công nợ sẽ được thực hiện trong năm tài chính 2018.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 6.2 Thông tin khác, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Điều 8 Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ/HKB ngày 20/07/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (lần 2) của Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc thông qua việc giao cho Hội đồng quản trị quyết định một số thẩm quyền của Đại Hội đồng cổ đông cần được xem xét đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của cổ đông, tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các quy định của pháp luật hiện hành.



**Phan Thanh Nam**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**

Nhà 905 CT1-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Mẫu B 01a-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

	MS	TM	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>89.567.654.610</b>	<b>84.636.715.170</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>52.850.026</b>	<b>212.625.972</b>
1. Tiền	111		52.850.026	212.625.972
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>87.086.796.541</b>	<b>81.708.453.054</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	84.224.312.401	78.462.183.988
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	2.205.810.278	2.654.210.778
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	4.517.226.310	4.332.730.736
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.2	(3.860.552.448)	(3.740.672.448)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>1.006.456.503</b>	<b>1.006.456.503</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.799.806.381	1.799.806.381
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(793.349.878)	(793.349.878)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.421.551.540</b>	<b>1.709.179.641</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.421.551.540	1.709.179.641
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>586.012.327.254</b>	<b>586.818.832.728</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>72.267.024.144</b>	<b>74.187.427.437</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	65.119.024.144	67.039.427.437
- Nguyên giá	222		76.425.940.404	76.425.940.404
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.306.916.260)	(9.386.512.967)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	7.148.000.000	7.148.000.000
- Nguyên giá	228		7.148.000.000	7.148.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.10</b>	<b>40.517.477.163</b>	<b>40.359.582.739</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		40.517.477.163	40.359.582.739
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.9</b>	<b>462.000.000.000</b>	<b>462.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		434.000.000.000	434.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		28.000.000.000	28.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.227.825.947</b>	<b>10.271.822.552</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	11.227.825.947	10.271.822.552
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>675.579.981.864</b>	<b>671.455.547.898</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

	MS	TM	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>169.598.183.545</b>	<b>161.601.967.003</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>169.306.353.545</b>	<b>112.465.928.253</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	15.723.573.534	12.245.693.885
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	3.649.330.128	4.334.711.314
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	5.679.177	30.718.436
4. Phải trả người lao động	314		2.374.242.777	1.900.111.591
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	27.181.642.939	27.094.320.325
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	120.194.679.990	66.683.167.702
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		177.205.000	177.205.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>291.830.000</b>	<b>49.136.038.750</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	291.830.000	49.136.038.750
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>505.981.798.319</b>	<b>509.853.580.895</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>505.981.798.319</b>	<b>509.853.580.895</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		515.999.990.000	515.999.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		515.999.990.000	515.999.990.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.516.904.967	15.516.904.967
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(25.535.096.648)	(21.663.314.072)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(21.663.314.072)	35.312.683
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(3.871.782.576)	(21.698.626.755)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>675.579.981.864</b>	<b>671.455.547.898</b>

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tiên

Kế toán trưởng



Lê Văn Quang

Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
 kiêm Tổng Giám đốc



Dương Quang Lư

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**

Nhà 905 CT1-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Mẫu B 02a-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	17.097.197.543	103.374.646.686
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.18	-	108.471.175
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		17.097.197.543	103.266.175.511
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	12.920.802.000	105.868.375.994
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		4.176.395.543	(2.602.200.483)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	31.239.021	510.070.540
7. Chi phí tài chính	22	5.21	3.196.696.317	6.546.229.901
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.162.493.131	4.114.178.649
8. Chi phí bán hàng	25		545.196.368	1.953.292.948
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.22	3.917.848.853	6.910.219.691
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(3.452.106.974)	(17.501.872.483)
11. Thu nhập khác	31	5.23	23.977.245	24.141.992.608
12. Chi phí khác	32	5.23	443.652.847	814.877.147
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(419.675.602)	23.327.115.461
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(3.871.782.576)	5.825.242.978
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	-	1.165.098.206
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(3.871.782.576)	4.660.144.772
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(75)	90

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
kiểm Tổng Giám đốc









Nguyễn Thị Tiên

Lê Văn Quang

Dương Quang Lư

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**

Nhà 905 CT1-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Mẫu B 03a-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(3.871.782.576)	5.825.242.978
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	1.920.403.293	2.018.443.773
- Các khoản dự phòng	03	119.880.000	318.600.000
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	6.181.225	1.733.028.635
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.122.045)	(23.827.115.461)
- Chi phí lãi vay	06	3.162.493.131	4.114.178.649
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.334.053.028	(9.817.621.426)
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	(5.210.595.386)	(11.090.000.956)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	-	14.649.113.229
- Tăng giảm các khoản phải trả	11	3.411.395.318	17.312.007.962
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(956.003.395)	717.801.769
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.220.389.782)	(4.336.918.257)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.641.540.217)	7.434.382.321
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(157.894.424)	(766.687.459)
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	82.872.727
3. Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.122.045	1.669.349
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(154.772.379)	(682.145.383)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ cho vay	33	85.245.079.670	103.466.072.216
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(80.608.543.020)	(128.587.433.813)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.636.536.650	(25.121.361.597)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(159.775.946)	(18.369.124.659)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	212.625.972	19.376.171.386
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	52.850.026	1.007.046.727

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Kiểm Toán Giám đốc





Nguyễn Thị Tiên

Lê Văn Quang

Dương Quang Lư

# CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu B09a-DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0104246382 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/11/2009, thay đổi lần 14 ngày 21/07/2016. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: chế biến và kinh doanh, xuất khẩu các sản phẩm từ nông nghiệp.

Quyết định số 171/QĐ-SGDHN ngày 27/03/2015 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc kể từ ngày 27/03/2015; mã chứng khoán là **HKB**.

Tên giao dịch tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Nông Nghiệp và Thực Phẩm Hà Nội - Kinh Bắc**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: **HANOI - KINHBAC AGRICULTURE AND FOOD JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt là: **HANOI-KINHBAC AGRIFOOD., JSC**

Trụ sở đăng ký của Công ty: Nhà 905 CT1-2 KĐT Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Trụ sở chính giao dịch của Công ty tại địa điểm: Số 08 Lô TT03 Khu Đô thị Hải Đăng City, ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-24).378 77290

Fax: (84-24).378 77291

E-mail: [admin@hkb.com.vn](mailto:admin@hkb.com.vn) / [sales@hkb.com.vn](mailto:sales@hkb.com.vn)

Website: [www.hkb.com.vn](http://www.hkb.com.vn)

Tại ngày 30/06/2018, khối lượng cổ phiếu đang niêm yết là 51.599.999 cổ phiếu, giá đóng của cổ phiếu HKB là 1.800 đồng/ cổ phiếu. Cổ phiếu của Công ty tiếp tục đưa vào diện bị cảnh cáo theo Thông báo số 303/TB-SGDHN ngày 06/04/2018, do lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2017 trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017 là số âm.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Dương Quang Lư - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

#### Vốn điều lệ và hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nông Nghiệp và Thực Phẩm Hà Nội - Kinh Bắc là: **515.999.990.000** đồng (Năm trăm mười lăm tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng). Tại ngày 30/06/2018, cơ cấu cổ đông của Công ty bao gồm:

- Ông Dương Quang Lư nắm giữ 18,5%;
- Cổ đông là các tổ chức, cá nhân nước ngoài nắm giữ 3,03%;
- Cổ đông là các cá nhân khác (số lượng 1.560 cổ đông) nắm giữ 78,47% vốn điều lệ.

Báo cáo tài chính này được tổng hợp từ các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 của 02 đơn vị sau:

- Văn phòng Công ty Cổ phần Nông Nghiệp và Thực Phẩm Hà Nội - Kinh Bắc
- Công ty Cổ phần Nông Nghiệp và Thực Phẩm Hà Nội - Kinh Bắc - Chi nhánh Gia Lai.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B09a-DN

**Ngành nghề và hoạt động kinh doanh chính:**

- Bán buôn gạo
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết:  
Rang và lọc cà phê;  
Sản xuất các sản phẩm cà phê như: Cà phê hòa tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc;  
Sản xuất các chất thay thế cà phê;  
Trộn chè và chất phụ gia;  
Sản xuất chiết xuất và phế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm;  
Các chế phẩm khác từ thóc.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết:  
Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác: hạt đậu đen, hạt đậu xanh, hạt đậu tương, thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản, nông, lâm sản nguyên liệu khác;  
Bán buôn hạt, quả có dầu, sản lát;  
Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác gỗ (trừ loại Nhà nước cấm);
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản);
- Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng khác Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh BĐS, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng, đi thuê. Chi tiết:  
Kinh doanh bất động sản;

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/06/2018, Công ty có các công ty con, công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Đơn vị	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu
<b>I</b>	<b>Công ty con</b>		
1	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai	Sản xuất, trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa); và động vật sống	88,89%
2	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Lumex Việt Nam	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	83,42%
3	Công ty Cổ phần Thương Mại - Xuất nhập khẩu Tấn Hưng	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa); và động vật sống	68,33%
<b>II</b>	<b>Công ty liên kết</b>		
1	Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tân Cường	Cung cấp dịch vụ, vật tư nông nghiệp; Say xát; SXKD giống cây trồng, vật nuôi; Dịch vụ mua bán XNK nông, lâm, thủy sản và phụ phẩm nông nghiệp	
<b>III</b>	<b>Đơn vị trực thuộc</b>		
1	Chi nhánh Gia Lai	Chế biến nông sản	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**Mẫu B09a-DN**

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán trong Báo cáo này là từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

**Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính**

(i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) tại ngày 30/06/2018.

(ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của các ngân hàng mà Công ty đang giao dịch.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)**

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - TK 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

*Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính*

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
30/06/2018	Ngân hàng Vietcombank	22.920 VND/USD	22.990 VND/USD

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), như: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị ghi sổ theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo Hợp đồng, khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí sản xuất chung phân bổ và chi phí khác (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 10/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất vô thời hạn nên Công ty không thực hiện trích khấu hao theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao đối với các tài sản mua mới:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	15 - 50
Máy móc và thiết bị	06 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 15

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí trích trước tiền lương nhân viên
- Chi phí thầu phụ trích trước trên cơ sở các công trình đã có nghiệm thu khối lượng và ghi nhận doanh thu dẫn tới kết chuyển chi phí giá vốn tương ứng.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn chủ sở hữu hiện nay của Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.



#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

##### Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Mẫu B09a-DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	6.452.272	6.346.449
Tiền gửi ngân hàng	46.397.754	206.279.523
<b>Tổng</b>	<b>52.850.026</b>	<b>212.625.972</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH một thành viên Thuận Thành Công Gia Lai	53.978.627.581	53.978.627.581
Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Hưng Thịnh An	20.079.000.000	20.079.000.000
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai	470.016.100	917.016.100
Công ty TNHH Bích Hồng	3.090.492.400	3.090.492.400
Công ty TNHH Lê Hoàng Minh	281.115.646	281.115.646
STE TOP ARABIC SARL A.U (*)	5.761.594.074	-
EURL YANSOUNE IMPORT - EXPORT	449.346.600	-
Khách hàng khác	84.120.000	85.932.261
Công ty TNHH MTV Thuận Thành Công Gia Lai	30.000.000	30.000.000
<b>Tổng</b>	<b>84.224.312.401</b>	<b>78.462.183.988</b>

(\*) Công ty thực hiện ký hợp đồng bán hàng xuất khẩu với điều khoản thanh toán theo hình thức "giao tiền đổi chứng từ - Document against Payment (D/P) at sight" nhờ thu qua ngân hàng tại Maroc. Tuy nhiên hàng đã được vận chuyển đến cảng đích nhưng khách hàng STE TOP ARABIC SARL A.U chưa thực hiện đến nhận hàng và thanh toán số tiền còn lại \$251.160 (tương ứng với 5.761.594.074 VND).

Ngày 26/07/2018, Thương vụ Việt Nam tại Maroc đã có thông báo khuyến cáo các doanh nghiệp xuất khẩu không giao dịch với Công ty có tên nêu trên: <https://vietnambiz.vn/khuyen-cao-doanh-nghiep-xuat-khau-khong-giao-dich-voi-cong-ty-tai-maroc-65172.html>.

Bán Tổng Giám đốc Công ty đang thực hiện đàm phán và thu hồi công nợ của khách hàng STE TOP ARABIC SARL A.U và chúng tôi tin tưởng rằng việc thu hồi công nợ sẽ được thực hiện trong năm tài chính 2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Mẫu B09a-DN****5.2 Phải thu của khách hàng ngắn hạn (tiếp theo)**

Trong đó:

<b>Nợ phải thu được sửa đổi điều khoản thanh toán theo Phụ lục hợp đồng kinh tế</b>	<b>30/06/2018 VND</b>	<b>01/01/2018 VND</b>
---	---------------------------	---------------------------

Công ty TNHH một thành viên Thuận Thành Công Gia Lai	53.978.627.581	53.978.627.581
--	----------------	----------------

Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Hưng Thịnh An	20.079.000.000	20.079.000.000
---	----------------	----------------

Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai	470.016.100	917.016.100
---	-------------	-------------

<b>Tổng</b>	<b>74.527.643.681</b>	<b>74.974.643.681</b>
-------------	-----------------------	-----------------------

<b>Nợ phải thu quá hạn thanh toán</b>	<b>30/06/2018 VND</b>	<b>01/01/2018 VND</b>
---------------------------------------	---------------------------	---------------------------

Công ty TNHH Bích Hồng	3.090.492.400	3.090.492.400
------------------------	---------------	---------------

Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và Kinh doanh Thương mại Hoàng Dũng	599.400.000	599.400.000
---	-------------	-------------

Công ty TNHH Lê Hoàng Minh	281.115.646	281.115.646
----------------------------	-------------	-------------

DNTN Phước Toàn	109.599.096	109.599.096
-----------------	-------------	-------------

Hộ kinh doanh Ngọc Phương Nam	63.000.000	63.000.000
-------------------------------	------------	------------

<b>Tổng</b>	<b>4.143.607.142</b>	<b>4.143.607.142</b>
-------------	----------------------	----------------------

<b>Dự phòng phải thu khó đòi</b>	<b>3.860.552.448</b>	<b>3.740.672.448</b>
----------------------------------	----------------------	----------------------

Tỷ lệ trích lập/Tổng nợ quá hạn	<b>93,2%</b>	<b>90,3%</b>
---------------------------------	--------------	--------------

Công ty chưa thực hiện đánh giá thực trạng và ước tính khả năng có thể thu hồi nợ phải thu được sửa đổi điều khoản thanh toán theo các Phụ lục hợp đồng kinh tế tại ngày 30/06/2018. Việc trích lập dự phòng nợ phải thu trên có thể sẽ được Công ty xem xét và thực hiện vào thời điểm kết thúc năm tài chính 2018.

**5.3 Trả trước người bán ngắn hạn**

	<b>30/06/2018 VND</b>	<b>01/01/2018 VND</b>
--	---------------------------	---------------------------

<b>Văn phòng Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc</b>	<b>2.205.810.278</b>	<b>2.654.210.778</b>
---	----------------------	----------------------

Công ty Cổ phần Sapa Thale Holding	900.000.000	900.000.000
------------------------------------	-------------	-------------

Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và Kinh doanh Thương mại Hoàng Dũng	599.400.000	599.400.000
---	-------------	-------------

Công ty TNHH Xuất nhập khẩu nông sản Anh Chi	48.400.000	326.500.000
--	------------	-------------

Công ty TNHH TM SX DV Trường Lộc	126.436.747	-
----------------------------------	-------------	---

Doanh nghiệp tư nhân Phước Toàn	109.599.096	109.599.096
---------------------------------	-------------	-------------

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	122.930.435	122.930.435
-------------------------------	-------------	-------------

Trả trước các đối tượng khác	299.044.000	595.781.247
------------------------------	-------------	-------------

<b>Chi nhánh Gia Lai</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
--------------------------	----------	----------

<b>Tổng</b>	<b>2.205.810.278</b>	<b>2.654.210.778</b>
-------------	----------------------	----------------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**5.4 Phải thu ngắn hạn khác**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Văn phòng Công ty	4.277.226.310	-	4.092.730.736	-
- Tạm ứng	4.252.226.310	-	4.072.730.736	-
- Phải thu khác	25.000.000	-	20.000.000	-
Chi nhánh Gia Lai	240.000.000	-	240.000.000	-
- Tạm ứng	240.000.000	-	240.000.000	-
- Phải thu khác	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>4.517.226.310</b>	<b>-</b>	<b>4.332.730.736</b>	<b>-</b>

**5.5 Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	942.091.261	-	942.091.261	-
Công cụ, dụng cụ	23.000.000	-	23.000.000	-
Thành phẩm	8.565.242	-	8.565.242	-
Hàng hóa	826.149.878	(793.349.878)	826.149.878	(793.349.878)
<b>Tổng</b>	<b>1.799.806.381</b>	<b>(793.349.878)</b>	<b>1.799.806.381</b>	<b>(793.349.878)</b>

Công ty chưa thực hiện đánh giá phẩm chất và tình trạng sử dụng của nguyên liệu, vật liệu. Việc trích lập dự phòng Hàng tồn kho có thể sẽ được Công ty xem xét và thực hiện vào thời điểm kết thúc năm tài chính 2018.

**5.6 Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Thuê đất gắn kết cấu hạ tầng KCN Nhơn Hòa thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định - Lô D 1.5.2 (i)	5.603.321.195	5.374.413.224
Thuê đất gắn kết cấu hạ tầng KCN Nhơn Hòa thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định - Lô D 2.5.1	4.630.318.955	4.688.930.588
Công cụ dụng cụ xuất dùng	716.231.627	208.478.740
Các khoản khác	277.954.170	-
<b>Tổng</b>	<b>11.227.825.947</b>	<b>10.271.822.552</b>

(i) Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến nông sản Hà Nội - Kinh Bắc Quy Nhơn tại KCN Nhơn Hòa thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tại địa điểm Lô D 1.5.2 đang trong quá trình thực hiện đầu tư dự án.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**  
Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**5.7 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Tổng</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2018	7.148.000.000	7.148.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2018	<u>7.148.000.000</u>	<u>7.148.000.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2018	-	-
Tăng trong kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2018	<u>-</u>	<u>-</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2018	<u>7.148.000.000</u>	<u>7.148.000.000</u>
Tại 30/06/2018	<u>7.148.000.000</u>	<u>7.148.000.000</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	64.668.786.292	6.116.879.934	2.640.465.132	116.320.000	2.883.489.046	76.425.940.404
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2018	64.668.786.292	6.116.879.934	2.640.465.132	116.320.000	2.883.489.046	76.425.940.404

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Số dư tại 01/01/2018	6.942.808.872	1.326.941.175	357.768.169	6.083.703	752.911.048	9.386.512.967
Tăng trong năm	1.456.459.830	267.975.447	93.485.046	6.366.666	96.116.304	1.920.403.293
Khấu hao trong năm	1.456.459.830	267.975.447	93.485.046	6.366.666	96.116.304	1.920.403.293

**Giảm trong năm**

Số dư tại 30/6/2018	8.399.268.702	1.594.916.622	451.253.215	12.450.369	849.027.352	11.306.916.260
---------------------	---------------	---------------	-------------	------------	-------------	----------------

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại 01/01/2018	57.725.977.420	4.789.938.759	2.282.696.963	110.236.297	2.130.577.998	67.039.427.437
Tại 30/06/2018	56.269.517.590	4.521.963.312	2.189.211.917	103.869.631	2.034.461.694	65.119.024.144

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm dùng làm tài sản đảm bảo cho Hợp đồng vay kiêm bảo đảm tài sản: 76.425.940.404 VND

## CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

#### 5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc hợp lý
Đầu tư vào Công ty con	434.000.000.000	-	-	434.000.000.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Lumex Việt Nam	354.000.000.000	-	-	354.000.000.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai	80.000.000.000	-	-	80.000.000.000
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết	28.000.000.000	-	-	28.000.000.000
Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tân Cường	28.000.000.000	-	-	28.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>462.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>462.000.000.000</b>

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Lumex Việt Nam và Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai và Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tân Cường là các công ty chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết bằng các Phương pháp định giá. Giá trị hợp lý có thể khác với giá trị ghi sổ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**  
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**Mẫu B09a-DN**

**5.10 Tài sản dở dang dài hạn**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>40.517.477.163</b>	<b>40.359.582.739</b>
Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến nông sản Hà Nội - Kinh Bắc Quy Nhơn - Lô D 1.5.2	40.517.477.163	40.359.582.739
<b>Tổng</b>	<b>40.517.477.163</b>	<b>40.359.582.739</b>

**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Văn phòng Công ty	15.723.573.534	15.723.573.534	12.245.693.885	12.245.693.885
Công ty CP Đầu tư hạ tầng KCN Nhơn Hòa	2.587.606.073	2.587.606.073	2.587.606.073	2.587.606.073
Công ty CP Xây Dựng Thương Mại và XNK Tổng Hợp	3.639.200.000	3.639.200.000	-	-
Công ty TNHH một thành viên Cơ khí xây dựng Minh Thuận	2.118.705.600	2.118.705.600	2.118.705.600	2.118.705.600
CTCP cơ khí và xây dựng Quang Trung	1.823.809.250	1.823.809.250	1.823.809.250	1.823.809.250
Ngô Đăng Tuấn	1.320.000.000	1.320.000.000	1.320.000.000	1.320.000.000
Công Ty Cổ Phần Cảng Quy Nhơn	856.453.803	856.453.803	856.453.803	856.453.803
Công ty TNHH vận tải Tuấn Kiệt	341.248.888	341.248.888	341.248.888	341.248.888
Hợp tác xã vận tải ô tô Bình Minh	239.318.280	239.318.280	239.318.280	239.318.280
Công ty Cổ phần Cơ khí Sinco	229.231.600	229.231.600	229.231.600	229.231.600
Công ty TNHH giao nhận vận tải Con Cá Heo	137.673.941	137.673.941	187.673.941	187.673.941
Công ty CP chứng khoán Smart Invest	185.000.000	185.000.000	185.000.000	185.000.000
Các khách hàng khác	2.383.000.040	2.383.000.040	2.356.646.450	2.356.646.450
<b>Chi nhánh Gia Lai</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>15.723.573.534</b>	<b>15.723.573.534</b>	<b>12.245.693.885</b>	<b>12.245.693.885</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**  
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**Mẫu B09a-DN**

**5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Văn phòng Công ty	3.649.330.128	3.649.330.128	4.334.711.314	4.334.711.314
Jameel International	1.190.107.237	1.190.107.237	1.176.906.830	1.176.906.830
SAUD SROOR JABER BUSINESS EAGENT KUWAIT	502.709.226	502.709.226	-	-
M/S, Karm Allouz Trading EST	459.420.665	459.420.665	454.324.872	454.324.872
MAAC Internationa	342.849.870	342.849.870	339.047.055	339.047.055
Diamond Food Industry Co., LTD	327.366.105	327.366.105	323.735.032	323.735.032
Công ty TNHH thương mại XNK Hoàng Ngọc	243.000.000	243.000.000	-	-
ALJADIDA Company For Food Industries	160.930.000	160.930.000	159.145.000	159.145.000
Salina Trading LLC	148.170.550	148.170.550	146.527.075	146.527.075
Công ty TNHH MTC Con Cò Bình Định	69.300.000	69.300.000	69.300.000	69.300.000
TKH Gumrukleme Gemi Acentaligi Lojistik Gida Ithalat Ihracat sanayi veticaret Limited Sirketi	-	-	409.230.000	409.230.000
Sarl EL Madina	-	-	1.056.495.450	1.056.495.450
Khách hàng khác	205.476.475	205.476.475	200.000.000	200.000.000
Chi nhánh Gia Lai	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>3.649.330.128</b>	<b>3.649.330.128</b>	<b>4.334.711.314</b>	<b>4.334.711.314</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	01/01/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2018
<b>Phải nộp</b>	<b>30.718.436</b>	<b>291.417.648</b>	<b>316.456.907</b>	<b>5.679.177</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	277.905.469	277.905.469	-
Thuế thu nhập cá nhân	30.718.436	8.512.179	33.551.438	5.679.177
Thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-

**5.14 Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>27.181.642.939</b>	<b>27.094.320.325</b>
Bảo hiểm xã hội	179.213.627	119.596.486
Bảo hiểm y tế	122.604.206	97.965.887
Bảo hiểm thất nghiệp	71.018.862	60.068.498
Trần Minh Tuấn(ii)	26.732.329.266	26.732.329.266
Phải trả, phải nộp khác	76.476.978	84.360.188
<b>Tổng</b>	<b>27.181.642.939</b>	<b>27.094.320.325</b>

(ii) Bao gồm: gốc 25.000.000.000 đồng; lãi 1.732.329.266 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**  
Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2018		Trong kỳ		01/01/2018		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>120.194.679.990</b>	<b>120.194.679.990</b>	<b>85.303.049.558</b>	<b>31.791.537.270</b>	<b>66.683.167.702</b>	<b>66.683.167.702</b>	
Ông Dương Quang Lư (1)	19.326.125.320	19.326.125.320	24.343.250	12.453.981.930	31.755.764.000	31.755.764.000	
Ông Phạm Anh Tuấn (2)	100.568.754.670	100.568.754.670	81.955.327.670	-	18.613.427.000	18.613.427.000	
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Thành	-	-	3.223.378.638	19.079.735.677	15.856.357.039	15.856.357.039	
Ông Nguyễn Trọng Dũng	-	-	-	210.416.663	210.416.663	210.416.663	
Ông Tăng Tuấn Cường	200.000.000	200.000.000	-	-	200.000.000	200.000.000	
Bà Nguyễn Thị Huyền	20.000.000	20.000.000	-	-	20.000.000	20.000.000	
Bùi Thùy Anh	-	-	-	18.728.000	18.728.000	18.728.000	
Bà Dương Thúy Hà	-	-	-	8.475.000	8.475.000	8.475.000	
Ông Lê Văn Quang	79.800.000	79.800.000	100.000.000	20.200.000	-	-	
<b>Vay dài hạn</b>	<b>291.830.000</b>	<b>291.830.000</b>	<b>-</b>	<b>48.844.208.750</b>	<b>49.136.038.750</b>	<b>49.136.038.750</b>	
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Thành	-	-	-	20.041.148.750	20.041.148.750	20.041.148.750	
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	-	-	-	28.750.000.000	28.750.000.000	28.750.000.000	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	291.830.000	291.830.000	-	53.060.000	344.890.000	344.890.000	
<b>Tổng</b>	<b>120.486.509.990</b>	<b>120.486.509.990</b>	<b>85.303.049.558</b>	<b>80.635.746.020</b>	<b>115.819.206.452</b>	<b>115.819.206.452</b>	

(1) Hợp đồng vay có lãi suất là 0%.

(2) Hợp đồng vay kèm bảo đảm tài sản có lãi suất vay theo từng lần nhận nợ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI – KINH BẮC**  
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu B 09a-DN

**5.16 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	515.999.990.000	5.367.642.786	10.149.262.181	531.516.894.967
Tăng trong năm	-	10.149.262.181	(10.113.949.498)	35.312.683
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	10.149.262.181	(10.149.262.181)	-
Tăng khác	-	-	35.312.683	35.312.683
Giảm trong năm	-	-	(21.698.626.755)	(21.698.626.755)
Lỗ trong năm	-	-	(21.698.626.755)	(21.698.626.755)
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>515.999.990.000</b>	<b>15.516.904.967</b>	<b>(21.663.314.072)</b>	<b>509.853.580.895</b>
Số dư tại 01/01/2018	515.999.990.000	15.516.904.967	(21.663.314.072)	509.853.580.895
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	(3.871.782.576)	(3.871.782.576)
Lỗ trong kỳ	-	-	(3.871.782.576)	(3.871.782.576)
<b>Số dư tại 30/06/2018</b>	<b>515.999.990.000</b>	<b>15.516.904.967</b>	<b>(25.535.096.648)</b>	<b>505.981.798.319</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**  
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ông Dương Quang Lư	95.460.000.000	95.460.000.000
Các cổ đông là tổ chức, cá nhân người nước ngoài	15.629.100.000	17.749.100.000
Các cổ đông khác (tỷ lệ sở hữu dưới 5%)	404.910.890.000	402.790.890.000
Các đối tượng khác		
<b>Tổng</b>	<b>515.999.990.000</b>	<b>515.999.990.000</b>

	30/06/2018		01/01/2018	
	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Ông Dương Quang Lư	9.546.000	18,50%	9.546.000	18,50%
Các cổ đông là tổ chức, cá nhân người nước ngoài	1.562.910	3,03%	1.774.910	3,44%
Các cổ đông khác (tỷ lệ sở hữu dưới 5%)	40.491.089	78,47%	40.279.089	78,06%
<b>Tổng</b>	<b>51.599.999</b>	<b>100%</b>	<b>51.599.999</b>	<b>100%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	515.999.990.000	515.999.990.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	515.999.990.000	515.999.990.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	10.149.262.181

**d. Cổ phiếu**

	30/06/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	51.599.999	51.599.999
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	51.599.999	51.599.999
Cổ phiếu phổ thông	51.599.999	51.599.999
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>51.599.999</b>	<b>51.599.999</b>
Cổ phiếu phổ thông	51.599.999	51.599.999
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	14.318.142.875	101.299.540.506
<i>Trong đó:</i>		
<i>STE TOP ARABIC SARL A.U</i>	8.786.736.000	-
<i>Các khách hàng khác</i>	5.531.406.875	101.299.540.506
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.779.054.668	2.075.106.180
<b>Tổng</b>	<b>17.097.197.543</b>	<b>103.374.646.686</b>

**5.18 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chiết khấu thương mại	-	108.471.175
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>108.471.175</b>

**5.19 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Giá vốn hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp	12.920.802.000	105.868.375.994
<b>Tổng</b>	<b>12.920.802.000</b>	<b>105.868.375.994</b>

**5.20 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.122.045	1.669.349
Lãi chênh lệch tỷ giá	28.116.976	508.401.191
<b>Tổng</b>	<b>31.239.021</b>	<b>510.070.540</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**

Bảo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Mẫu B09a-DN****5.21 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lãi tiền vay	3.162.493.131	4.114.178.649
Lỗ chênh lệch tỷ giá	34.203.186	2.432.051.252
<b>Tổng</b>	<b>3.196.696.317</b>	<b>6.546.229.901</b>

**5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
<b>Chi phí quản lý</b>	<b>3.917.848.853</b>	<b>6.910.219.691</b>
Chi phí nhân viên quản lý	1.487.028.471	2.608.802.123
Chi phí đồ dùng văn phòng	630.833.563	710.863.717
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.920.403.293	2.015.977.107
Thuế phí và lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dự phòng	119.880.000	318.600.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	428.361.420	427.476.933
Chi phí bằng tiền khác	137.356.417	823.499.811
<b>Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>(811.014.311)</b>	-
Các khoản ghi giảm khác	(811.014.311)	-
<b>Tổng</b>	<b>3.917.848.853</b>	<b>6.910.219.691</b>

**5.23 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản	-	136.363.636
Thu nhập từ đánh giá lại Tài sản góp vốn	-	24.005.626.668
Thu nhập khác	23.977.245	2.304
<b>Tổng</b>	<b>23.977.245</b>	<b>24.141.992.608</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại của tài sản ghi giảm	-	268.738.044
Tiền phạt vi phạm hành chính	1.989.422	19.463.223
Thuế GTGT đầu vào không được ghi nhận	163.314.419	-
Chi phí khác	278.349.006	526.675.880
<b>Tổng</b>	<b>443.652.847</b>	<b>814.877.147</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>(419.675.602)</b>	<b>23.327.115.461</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**  
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	-	1.165.098.206
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>1.165.098.206</b>

**5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.740.621.252	49.088.678.791
Chi phí nhân công	1.487.028.471	3.183.753.905
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.920.403.293	2.018.443.773
Chi phí dự phòng	119.880.000	318.600.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	428.361.420	-
Chi phí khác bằng tiền	142.356.417	-
<b>Tổng</b>	<b>16.838.650.853</b>	<b>54.609.476.469</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Thông tin về các bên liên quan**

**Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Năm 2017 VND
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Lương	396.000.000	1.309.674.691

**Vay ngắn hạn của Hội đồng Quản trị**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Ông Dương Quang Lư - Chủ tịch HĐQT	Vay ngắn hạn	19.326.125.320	31.755.764.000
Ông Trần Minh Tuấn - Phó Chủ tịch HĐQT	Phải trả khác	26.732.329.266	26.732.329.266

38  
Y  
V  
P  
M  
B  
1.8

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Mẫu B09a-DN****6.1 Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)****Giao dịch với các bên liên quan khác**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Năm 2017
		6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	VND
<b>Công ty con</b>			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai	Mua hàng hóa	-	19.246.000.000
<b>Tổng</b>		<b>-</b>	<b>19.246.000.000</b>

**Số dư với các bên liên quan khác**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	30/06/2018	01/01/2018
		VND	VND
<b>Công ty con</b>			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai	Phải thu khách hàng	470.016.100	917.016.100
<b>Tổng</b>		<b>470.016.100</b>	<b>917.016.100</b>

**6.2 Thông tin khác**

Điều 8 Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ/HKB ngày 20/07/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (lần 2) của Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc thông qua việc giao cho Hội đồng quản trị quyết định một số thẩm quyền của Đại Hội đồng cổ đông cần được xem xét đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của cổ đông, tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các quy định của pháp luật hiện hành.

**6.3 Thông tin so sánh**

Số dư tại ngày 01/01/2018 được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tiến

Kế toán trưởng



Lê Văn Quang

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
kiêm Tổng Giám đốc**


Dương Quang Lư

